

Bản án số: **02** /2020/KDTM-PT

Ngày 25 - 6 - 2020

“V/v: Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương

Các Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung, ông Hồ Hữu Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-KDTM
ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2019/KDTM-ST, ngày 26
tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT, ngày 13
tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu
xây dựng TQ**

Địa chỉ: Số nhà 04, đường LP, tổ 14 (tổ 27 cũ), phường MX, thành phố Q ,
tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H- Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. Bị đơn: **Doanh nghiệp tư nhân NH;**

Địa chỉ: Tổ 7 (tổ 19 cũ), phường MX, thành phố Q , tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Nh- Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L- Luật sư, Văn phòng Luật sư số 01
Vĩnh Phúc - CN Tuyên Quang;

Địa chỉ: Tổ 05, phường AT, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN**

Địa chỉ: Lô 4B, khu công nghiệp TV, xã TV, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Doanh nghiệp tư nhân NH ông Phạm Văn Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ngày 18/4/2018 Doanh nghiệp tư nhân NH, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn Nh đã ký Hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT với Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ, trong đó Doanh nghiệp tư nhân NH nhận bán các sản phẩm bi cầu các loại cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ; mục đích sử dụng của bi cầu là để sản xuất nghiền bột đá. Thực hiện hợp đồng đã ký kết, từ ngày 19/4/2018 đến ngày 01/6/2018 Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã thanh toán đủ số tiền trên hợp đồng.

Ngày 13/5/2018 Doanh nghiệp tư nhân NH đã giao đủ hàng, sau khi đưa sản phẩm vào sử dụng, chất lượng sản phẩm không đúng theo hợp đồng. Ngày 23/7/2018 Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã có giấy mời số 02/GM-CT gửi Doanh nghiệp tư nhân NH để tiến hành kiểm tra và xác nhận chất lượng bi. Để đơn đốc việc cung cấp thêm và bảo hành sản phẩm, Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã gửi Công văn số 72/CV-CT ngày 02/7/2018 về việc cung cấp thêm và bảo hành sản phẩm thì Doanh nghiệp tư nhân NH đã giao khoảng 5.000kg Bi cầu các loại. Nhưng đưa vào sản xuất thì số bi cấp bù vẫn tiếp tục vỡ ghe, sản phẩm bột đá không đảm bảo chất lượng.

Ngày 23/8/2018 Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã bàn giao lại toàn bộ số bi cầu do Doanh nghiệp tư nhân NH cấp lần 1 và lần 2 cho Doanh nghiệp tư nhân NH (có biên bản giao nhận) và yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân NH có trách nhiệm thanh toán lại tiền hàng cho Công ty.

Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ có các văn bản số 82/CV-CT ngày 03/9/2018, văn bản số 83/CV-CT ngày 06/9/2018, văn bản số 85/CV-CT ngày 30/9/2018 gửi Doanh nghiệp tư nhân NH về việc đề

ngợi Doanh nghiệp tư nhân NH phải thanh toán tiền hàng do vi phạm hợp đồng cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ.

Ngày 04/12/2018 Doanh nghiệp tư nhân NH thanh toán qua ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã xuất trả hóa đơn GTGT số 0000171 ngày 30/11/2018 theo thông báo trả lại tiền hàng Doanh nghiệp tư nhân NH.

Ngày 14/3/2019 Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã gửi văn bản số 03/CV-CT ngày 14/3/2019 gửi tới Doanh nghiệp tư nhân NH đề nghị Doanh nghiệp tư nhân NH đến trước ngày 30/3/2019 phải thanh toán lại tiền hàng và lãi chậm trả cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ. Nhưng Doanh nghiệp tư nhân NH không thanh toán nốt số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ. Nhận thấy Doanh nghiệp tư nhân NH đã vi phạm vào quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên và quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế. Ngày 08/4/2019 Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Q yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân NH thanh toán số tiền còn nợ là: 568.018.680 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng); cộng với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng theo quy định tại Điều 375 Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 01/6/2018 đến ngày 28/02/2019 là 64.097.349 đồng. Tổng cộng số tiền nợ mua hàng và tiền lãi do trả chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng là 632.116.029 đồng (Sáu trăm ba mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn không trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh do trả chậm tiếp theo cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ. Doanh nghiệp tư nhân NH phải chịu án phí và mọi chi phí do phải khởi kiện vụ việc này đến Tòa án.

Ngày 08/4/2019 Sau khi Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Q. Doanh nghiệp tư nhân NH tiếp tục thanh toán qua ngân hàng cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Do vậy, Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân NH phải thanh toán nốt số tiền còn nợ lại, cụ thể: 468.018.680 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng); cộng với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng theo quy định tại Điều 375 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính từ ngày 01/6/2018 đến ngày 28/02/2019 là 64.097.349 đồng. Tổng cộng số tiền nợ mua hàng và tiền lãi do trả chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng là 532.116.029 đồng (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn không trăm hai mươi

chín đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh do trả chậm tiếp theo cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung 10/11/2019 và tại phiên tòa Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ, xác định: Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000651 ngày 23/5/2018 của Doanh nghiệp tư nhân NH thì Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã thực hiện thanh toán đủ số tiền 768.018.680 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng) cho Doanh nghiệp tư nhân NH theo Hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT ngày 18/4/2018 mà hai bên đã ký (khối lượng hàng giao có chênh lệch hơn so với khối lượng hàng theo hợp đồng tuy nhiên phía nguyên đơn không có thắc mắc gì và cũng đã thanh toán đủ số tiền tương ứng với giá trị hàng Doanh nghiệp tư nhân NH đã giao). Sau khi nhận hàng và đưa vào sản xuất sản phẩm Bi nghiền do Doanh nghiệp NH cung cấp có hiện tượng bị vỡ, bung ghè nhiều. Doanh nghiệp tư nhân NH đã cung cấp thêm sản phẩm để bù vào số bi đã bị vỡ ghè nhưng vẫn không đảm bảo để sản xuất. Hiện nay Doanh nghiệp tư nhân NH đã nhận lại toàn bộ số bi đã bán cho nguyên đơn theo hợp đồng và cấp thêm ngày 10/7/2018 cho nguyên đơn. Doanh nghiệp tư nhân NH đã thanh toán cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ 02 lần tiền bi cầu trả lại với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), việc thanh toán tiền thể hiện tại giấy báo có của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Tuyên Quang, Phòng giao dịch AT in ngày 26/9/2019, số giao dịch 750 thực hiện ngày 07/12/2018 và số giao dịch 904, thực hiện ngày 08/4/2019. Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân NH thanh toán nốt số tiền hàng còn nợ là 468.018.680 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng) và rút yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng số tiền là 64.097.349 đồng. Bị đơn phải chịu án phí của vụ án và khi bản án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà Doanh nghiệp tư nhân NH chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tại văn bản số 27 ngày 15/5/2019, đơn đề nghị ngày 06/11/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn Doanh nghiệp tư nhân NH, người đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn Nh trình bày không nhất trí cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do sau:

- Hợp đồng mua bán giữa hai bên đã thực hiện xong không có vướng mắc gì. Trước khi ký hợp đồng, bên bán đã gửi mẫu bi và báo giá cho bên mua, bên mua đã mang mẫu bi đi thử và chấp nhận chất lượng, giá sau đó chuyển tiền đặt hàng và bên bán cấp hàng theo đơn đặt hàng của bên mua. Sau khi giao xong hàng, bên

mua đã đưa hàng vào sản xuất bên bán đã xuất hóa đơn VAT và bên mua đã chấp thuận và thanh toán hết tiền hàng cho bên bán. Như vậy là hợp đồng đã chấm dứt và không bên nào có ý kiến gì, tức không còn vướng mắc gì;

- Vì bên mua lắp máy mới và chạy thử lần đầu và không có chuyên môn nên bi đặt không đạt độ cứng, mặt từ vỏ quả lô mới rơi ra lẫn vào bột sinh ra bột đá không đạt tiêu chuẩn;

- Sau khi nhận hàng theo hợp đồng bên mua đưa vào sản xuất nghiền bột đá và bên mua đã đặt thêm 05 tấn hàng, nhưng vẫn không thay đổi chất lượng và giá mặc dù bên bán nói phải thay đổi giá và chất lượng thì bi mới làm được nhưng bên mua không đồng ý dẫn tới bột đá sản xuất ra không đạt tiêu chuẩn. Lúc đó bên mua mới mời cố vấn đến để chỉ đạo sản xuất và tư vấn đi mua bi khác để sản xuất giá bi đắt hơn và chất lượng bi cũng khác. Đối với khối lượng bi đặt thêm nguyên đơn chưa thanh toán;

- Sau hơn một tháng sản xuất bên mua mới báo bi không đạt tiêu chuẩn và nhờ bên bán gọi nhà sản xuất lên chở về bán hộ. Thực tế bên bán lúc này không còn trách nhiệm gì, nhưng vì còn muốn cấp hàng và nghĩ đến tình bạn hàng nên ông Phạm Văn Nh đã gọi cho Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN lên nhận lại bi về bán hộ. Khi bàn giao bi cho bên Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN bên bán không được chứng kiến. Nguyên đơn đã lừa ông Nh ký vào biên bản bàn giao lại bi nghiền do chưa đảm bảo chất lượng chứ thực tế ông Nh không được nhận lại hàng mà Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN nhập lại lô hàng. Vì muốn bán hàng tiếp nên ông Nh đã điện thoại đòi Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN và Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN đã trả cho Doanh nghiệp tư nhân NH 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), và ông Nh cũng trả cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Cụ thể tổng đơn hàng là: $768.018.680đ - 300.000.000 \text{ đồng} = 468.018.680đ$ (trong đó ngày 07/12/2018 thanh toán 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), ngày 08/4/2019 thanh toán 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ông Phạm Văn Nh cho rằng Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ, Doanh nghiệp tư nhân NH không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì với lô bi mà nguyên đơn đã trả lại vì Doanh nghiệp tư nhân NH đã thực hiện đúng hợp đồng đã ký với Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ.

Tại văn bản ngày 11/11/2019 của ông Nguyễn Văn D- người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN trình bày: Đây là vụ án Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ kiện Doanh nghiệp tư nhân NH chứ không kiện Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN. Đối với hàng hóa trong vụ kiện này Công ty cổ phần Cơ khí Đức

VN hoàn toàn làm đúng theo hợp đồng. Công ty cổ phần Cơ khí Đúc VN chỉ nhận lại và bán giúp khi thu hồi được tiền sẽ thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân NH. Ông Nguyễn Văn D xác định Công ty cổ phần Cơ khí Đúc VN không phải có trách nhiệm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Q , tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2019/KDTM-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Căn cứ vào: Các theo Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 280 của Bộ luật Dân sự; Điều 24; Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 40 của Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân NH phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ số tiền 468.018.680 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Doanh nghiệp tư nhân NH ông Phạm Văn Nh, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án số 23/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q với lý do:

Thứ nhất; Tòa án nhân dân thành phố Q xử thiếu khách quan, vi phạm thủ tục tố tụng, không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là nhà sản xuất, người giao bi và người nhận lại bi tham gia tố tụng;

Thứ hai; Tòa không xử theo Hợp đồng mua bán số 18 ngày 18/4/2018 giữa hai bên mà xử theo ý của nguyên đơn;

Thứ ba; trước khi mua bi bên mua đã mang đi test chất lượng đạt kết quả và mới chấp nhận mua (phiếu kiểm nghiệm ngày 17/4/2017), khi khởi kiện nguyên đơn đã không xuất trình kết quả test mẫu đã đảm bảo chất lượng của lô hàng;

Thứ tư; bên mua đã đưa vào sản xuất hơn hai tháng mới báo bi không đảm bảo chất lượng, đó là do bên mua đặt bi chưa đủ độ cứng, khi bên bán tư vấn phải đặt bi chất lượng cao hơn, giá cao hơn nhưng bên mua không chấp nhận thì đó là lỗi của bên mua;

Thứ năm; khi bên mua đề nghị ông nhờ nhà sản xuất lên lấy bi về bán hộ, bên mua không lập biên bản bàn giao, không tính giá trị bi đã đưa vào sản xuất;

Thứ sáu; nguyên đơn cho rằng bi không đạt chất lượng nhưng lại không có kết quả giám định khi bàn giao số bi;

Thứ bảy; Tòa không mời những người giao và nhận lại bi đến làm nhân chứng số bi nhận lại cũng không khớp với số lượng hàng đã giao, bên mua đồ cho bi vỡ, không có biên bản số lượng cụ thể;

Thứ tám; Tòa không có công văn trả lời đơn của bên bán gửi Tòa án ngày 06/11/2019 là chưa khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Văn Nh giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định lại bi theo mẫu đã niêm phong có chữ ký của hai bên lưu theo hồ sơ, vì trước khi mua bán ngày 17/4/2017 đã giám định độ cứng trung bình HRC là 63, ngày 11/6/2019 Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ tự ý giám định độ cứng trung bình HRC là 54, ông không nhất trí vì ông không biết giám định loại bi nào.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ ông Nguyễn Đức H nhất trí cho giám định lại bi theo mẫu đã niêm phong có chữ ký của hai bên lưu theo hồ sơ; kết quả giám định bi ngày 11/6/2019 do ông tự đi giám định để có căn cứ khởi kiện.

Ông Phạm Văn Nh và người đại diện theo ủy quyền trình bày tranh tụng: Trong Hợp đồng không quy định về bảo hành chất lượng sản phẩm, trước khi hợp đồng đã giám định sản phẩm, khi nhận hàng phía ông H không giám định lại sản phẩm nhưng đã đưa vào sử dụng sản xuất là có lỗi; Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN có văn bản trừ 10% giá trị hợp đồng, nên đề nghị phía ông H chịu 30.000.000 đồng, phía ông Nh chịu 46.000.000 đồng; đề nghị phía ông H chịu số bi giao lại còn thiếu là 186,5kg thành tiền là 5.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Đức H trình bày tranh tụng: Trong Hợp đồng đã thỏa thuận về thành phần hóa học của bi cầu, độ cứng trung bình của bi HRC từ 56 - 64, khi nhận hàng, không cần thiết giám định lại sản phẩm, khi đưa vào sử dụng sản xuất thấy bi kém chất lượng, nên hai bên đã thông báo cho nhau để khắc phục, nhưng phía ông Nh không thực hiện đúng hợp đồng; Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ không có quan hệ, thỏa thuận gì với Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN. Không nhất trí yêu cầu của phía bị đơn đề nghị ông phải chịu 30.000.000 đồng, nhất trí đề nghị phía ông Nh, ông chịu số bi giao lại còn thiếu là 186,5kg thành tiền là 5.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã

thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn Doanh nghiệp tư nhân NH ông Phạm Văn Nh là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 300; khoản 1, 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 24, Điều 50, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 40 Luật thương mại. Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Nh, giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2019/KDTM-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Xử buộc Doanh nghiệp tư nhân NH (người đại diện ông Phạm Văn Nh) phải trả cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ (người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đức H) số tiền hàng còn nợ là 468.018.680 đồng - 5.000.000 đồng, ông Nh còn phải trả số tiền là 463.018.680 đồng.

Về chi phí giám định ông Phạm Văn Nh phải chịu là 2.200.000 đồng.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch ông Phạm Văn Nh phải chịu 22.520.000 đồng.

Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Phạm Văn Nh phải chịu 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo pháp luật bị đơn Doanh nghiệp tư nhân NH ông Phạm Văn Nh:

Về tố tụng:

Thứ nhất; Tòa án nhân dân thành phố Q xử thiếu khách quan, vi phạm thủ tục tố tụng, không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là nhà sản xuất, người giao bi và người nhận lại bi tham gia tố tụng.

Tại văn bản số 1755/CV-TA ngày 09/10/2019 Tòa án nhân dân thành phố Q gửi Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN yêu cầu cử người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ngày 11/11/2019 ông Nguyễn Văn D- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN có đơn từ

chối tham gia tố tụng và đơn xin xử vắng mặt; Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; thông báo phiên hòa giải, lập biên bản không tiến hành hòa giải được, trong quyết định đưa vụ án ra xét xử; trong bản án đều đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D- chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN tham gia tố tụng, do vậy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Q không vi phạm thủ tục tố tụng.

Thứ hai; Tòa không mời những người giao và nhận lại bi đến làm nhân chứng số bi nhận lại cũng không khớp với số lượng hàng đã giao, bên mua đồ cho bi vỡ, không có biên bản số lượng cụ thể.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Đức H trình bày do ông Nh cung cấp bi không đảm bảo chất lượng, nên ông H đã báo cho ông Nh biết để nhận lại bi nên ông Nh có báo cho Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN cho xe ô tô lên chở về, ông H không biết người phía Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN là ai, khi điện thoại giữa ông và ông Nh ông H có ghi âm lại; ông Phạm Văn Nh thừa nhận sau khi trao đổi với ông H, ông Nh đã gọi cho Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN lên nhận lại bi về bán hộ, sau đó hai bên ký vào Biên bản bàn giao bi nghiền giữa bên giao Công ty cổ phần xây lắp, xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ và bên nhận Doanh nghiệp tư nhân NH lập ngày 23/8/2018 người đại diện ông Nguyễn Đức H và ông Phạm Văn Nh đã ký tên và đóng dấu công ty tại (BL: 26), nên không cần thiết phải triệu tập người làm chứng; về trọng lượng bi thiếu 186,5kg ông H trình bày do thi công bi bị vỡ vụn một phần, còn lại hai bên niêm phong lưu tại Tòa án, để giám định và hai bên giữ lại một phần, tại phiên tòa hai bên thỏa thuận được nội dung này.

Thứ ba; Tòa không có công văn trả lời đơn của bên bán gửi Tòa án ngày 06/11/2019 là chưa khách quan. Ngày 06/11/2019 ông Phạm Văn Nh có đơn đề nghị 05 nội dung như bản tự khai, biên bản hòa giải; Tòa án không phải trả lời bằng văn bản mà xem xét giải quyết trong bản án là đúng pháp luật, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung:

Thứ nhất; Tòa không xử theo Hợp đồng mua bán số 18 ngày 18/4/2018 giữa hai bên mà xử theo ý của nguyên đơn.

Thứ hai; bên mua đã đưa vào sản xuất hơn hai tháng mới báo bi không đảm bảo chất lượng, đó là do bên mua đặt bi chưa đủ độ cứng, khi bên bán tư vấn phải đặt bi chất lượng cao hơn, giá cao hơn nhưng bên mua không chấp nhận thì đó là lỗi của bên mua.

Thứ ba; trước khi mua bi bên mua đã mang đi test chất lượng đạt kết quả và mới chấp nhận mua (phiếu kiểm nghiệm ngày 17/4/2017), khi khởi kiện nguyên đơn đã không xuất trình kết quả test mẫu đã đảm bảo chất lượng của lô hàng.

Thứ tư; nguyên đơn cho rằng bi không đạt chất lượng, nhưng lại không có kết quả giám định khi bàn giao số bi.

Thứ năm; khi bên mua đề nghị ông nhờ nhà sản xuất lên lấy bi về bán hộ, bên mua không lập biên bản bàn giao, không tính giá trị bi đã đưa vào sản xuất.

Hội đồng xét xử xét thấy tại Hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT, ngày 18/4/2018 về việc mua bán bi nghiền, giữa bên bán Doanh nghiệp tư nhân NH và bên mua Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ (BL 10 - 12). Hai bên có thỏa thuận mua bán bi cầu fi 30, fi 40, fi 50, fi 60; thành phần hóa học của bi cầu: Cr 17-19%, C 2-2,8%, Mn 0,2-1%, Si 0,2-1%, P 0,4%; độ cứng trung bình của bi HRC từ 56 - 64. Tổng trọng lượng là 27.000 kg; thành tiền là 733.150.000 đồng.

Tại Hợp đồng kinh tế số 180418/HĐKT/ĐVN, ngày 18/4/2018 về việc mua bán bi nghiền, giữa bên mua Doanh nghiệp tư nhân NH và bên bán Công ty cổ phần Cơ khí Đức VN (BL 98 - 101). Hai bên có thỏa thuận mua bán bi cầu fi 30, fi 40, fi 50, fi 60; thành phần hóa học của bi cầu: Cr 17-19%, không thỏa thuận độ cứng trung bình của bi HRC. Tổng trọng lượng là 27.000 kg; thành tiền là 756.910.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm ông Phạm Văn Nh yêu cầu giám định bi cầu, hai bên đương sự nhất trí lấy bi mẫu do hai bên đã niêm phong tại cấp sơ thẩm kèm theo hồ sơ vụ án; Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định trưng cầu giám định, mời hai bên đương sự có mặt tại đơn vị giám định cùng mở niêm phong bi cầu và giao mẫu giám định cho đơn vị giám định.

Tại Báo cáo kết quả thử nghiệm số: VCN 531-20-M01, ngày 14/5/2020 của Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin (BL: 238) kết luận độ cứng trung bình của bi HRC là 51. Tại Báo cáo kết quả thử nghiệm số: VCN 531-20-M02, ngày 14/5/2020 của Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin (BL: 237) kết luận độ cứng trung bình của bi HRC là 49. Tại Báo cáo kết quả thử nghiệm số: VCN 531-20-M03, ngày 14/5/2020 của Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin (BL: 236) kết luận độ cứng trung bình của bi HRC là 47. Tại Báo cáo kết quả thử nghiệm số: VCN 531-20-M04, ngày 14/5/2020 của Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin (BL: 235) kết luận độ cứng trung bình của bi HRC là 47.

Độ cứng trung bình của bi HRC chỉ đạt từ 47 - 51; như vậy phía Doanh nghiệp tư nhân NH đã vi phạm Hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT, ngày 18/4/2018 về việc mua bán bi nghiền, giữa bên bán Doanh nghiệp tư nhân NH và bên mua Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ đã thỏa thuận độ cứng trung bình của bi HRC từ 56 - 64.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Doanh nghiệp tư nhân NH đã giao cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ 27.378,5kg bi cầu các loại, trị giá là 768.018.680 đồng; Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh

doanh vật liệu xây dựng TQ đã thanh toán đầy đủ số tiền trên. Sau khi nhận hàng và đưa vào sản xuất sản phẩm Bi nghiền do Doanh nghiệp NH cung cấp có hiện tượng bị vỡ, bung ghẻ nhiều, nên Doanh nghiệp tư nhân NH đã cung cấp thêm sản phẩm 4.962kg gồm bi cầu fi 40, fi 50 để bù vào số bi đã bị vỡ ghẻ nhưng vẫn không đảm bảo để sản xuất. Hiện nay Doanh nghiệp tư nhân NH đã nhận lại toàn bộ số bi đã bán cho nguyên đơn theo hợp đồng và cấp thêm là 32.154kg, còn thiếu 186,5kg. Doanh nghiệp tư nhân NH đã thanh toán cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ 02 lần tiền bi cầu trả lại với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tòa án nhân dân thành phố Q xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ xử buộc Doanh nghiệp tư nhân NH phải trả cho Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ số tiền hàng còn nợ là 468.018.680 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật; do vậy cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Nh, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hai bên thống nhất trừ cho ông Nh 5.000.000 đồng tiền của 186,5kg bi giao lại bị thiếu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận trên của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24, 25/6/2020 ông Phạm Văn Nh tiếp tục yêu cầu giám định lại bi cầu, Hội đồng xét xử xét thấy đã trưng cầu giám định nên không chấp nhận yêu cầu của ông Nh.

Ông Phạm Văn Nh cho rằng Công ty cổ phần Cơ khí Đúc VN phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ, Doanh nghiệp tư nhân NH không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì với lô bi mà nguyên đơn đã trả lại vì Doanh nghiệp tư nhân NH đã thực hiện đúng hợp đồng đã ký với Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ là không có căn cứ, bởi lẽ giữa Công ty cổ phần Cơ khí Đúc VN và Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ không ký kết, thỏa thuận gì về việc mua bán bi cầu; Công ty cổ phần Cơ khí Đúc VN sản xuất bi cầu đúng như hai bên đã thỏa thuận mua bán bi cầu fi 30, fi 40, fi 50, fi 60; thành phần hóa học của bi cầu: Cr 17 - 19% tại Hợp đồng kinh tế số 180418/HĐKT/ĐVN, ngày 18/4/2018 về việc mua bán bi nghiền, giữa bên mua Doanh nghiệp tư nhân NH và bên bán Công ty cổ phần Cơ khí Đúc VN.

[2] Về chi phí giám định ông Phạm Văn Nh phải chịu 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*), ông Nh đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Do các bên thỏa thuận trừ 5.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định lại án phí, ông Phạm Văn Nh phải chịu 22.520.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

[4] Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Phạm Văn Nh phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 1, 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 24, Điều 50, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 40 Luật Thương mại. Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Nh, giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2019/KDTM-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Xử buộc Doanh nghiệp tư nhân NH (người đại diện ông Phạm Văn Nh) phải trả cho Công ty cổ phần xây lắp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng TQ (người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đức H) số tiền hàng còn nợ là 468.018.680 đồng - 5.000.000 đồng, ông Nh còn phải trả số tiền là 463.018.680 đồng (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng*).

Khoản tiền phải trả, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Đức H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông Phạm Văn Nh còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ông Phạm Văn Nh phải chịu 22.520.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Phạm Văn Nh phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tại biên lai thu số 0000187 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Ông Phạm Văn Nh đã nộp đủ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 25/6/2020.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Q ;
- Chi cục THADS thành phố Q ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Chương